TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2026/DS-ST
Ngày 21-5-2026
V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/ Bà Võ Thị Bích Huyền.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987. Căn cước công dân: 092087005170.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

- Ông Lê Bằng P, sinh năm 1997. Căn cước công dân: 092097010474.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 2003. Căn cước công dân: 091303014370.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Có mặt).

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2000. Căn cước công dân: 086201004871.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng C số C đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2026)

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc P1, sinh năm 1987. Căn cước công dân: 362135026. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông P1 các hợp đồng sau đây:

1. Hợp đồng cho vay số CL/VN10005/202105/LN2105173747356 ngày 17/5/2021 cho vay 40.000.000 đồng trong thời hạn 36 tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất giải ngân 48%/năm, được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, trường hợp nếu từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất chưa đủ 03 tháng thì được giữ cố định đến hết kỳ điều chỉnh đó và sau đó lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho Khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho ông P1 vào ngày 19/5/2021, hồ sơ giải ngân số LD2113900785. Đến ngày 07/02/2022 ông P1 thanh toán được 4.093.236 đồng (trong đó, nợ gốc 1.507.314 đồng, nợ lãi 2.585.922 đồng) thì ngưng đến nay không thanh toán.

Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 26/02/2026 là 148.998.772 đồng (trong đó nợ gốc: 38.492.686 đồng, nợ lãi: 110.506.086 đồng).

2. Hợp đồng cho vay số LN2106263928839 ngày 30/6/2021 cho vay 157.500.000 đồng trong thời hạn 36 tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất giải ngân 39%/năm, được cố định trong suốt thời gian vay vốn. Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho Khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P1 không thanh toán nợ vay gốc, lãi.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho ông P1 vào ngày 30/6/2021, hồ sơ giải ngân số LD2118100980.

Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 26/02/2026 là 536.543.438 đồng (trong đó, nợ gốc 157.500.000 đồng, nợ lãi 379.043.438 đồng).

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông P1 trả nợ vay gốc, lãi của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên (tạm tính đến ngày 26/02/2026) là 685.542.210 đồng (trong đó, nợ gốc 195.992.686 đồng, nợ lãi 489.549.524 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 27/02/2026 trở đi ông P1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên.

Bị đơn ông P1: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không ghi nhận được lời khai, ý kiến, yêu cầu của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện hợp pháp Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền vay gốc, lãi còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng (nêu trên). Tính đến ngày 21/5/2026 tiền

gốc, lãi còn nợ của 02 hợp đồng là 755.579.073 đồng (trong đó, nợ gốc 195.992.686 đồng, nợ lãi 559.586.387 đồng). cụ thể từng hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng cho vay số CL/VN10005/202105/LN2105173747356 ngày 17/5/2021 nợ gốc 38.492.686 đồng, nợ lãi 126.028.262 đồng. Tổng cộng là 164.520.948 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2106263928839 ngày 30/6/2021 nợ gốc 157.500.000 đồng, nợ lãi 433.558.125 đồng. Tổng cộng là: 591.058.125 đồng.

Kể từ ngày 22/05/2026 ông P1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng.

Ông P1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng cho vay được Ngân hàng và ông P1 ký kết đúng quy định, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông P1. Ông P1 được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Ngân hàng chứng tỏ các nội dung khởi kiện, căn cứ chứng cứ chứng minh của Ngân hàng về việc ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi là đúng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

Căn cứ các Điều 98, 100, 108 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26, các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P1 theo quy định.

[2] Về nội dung: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được thực hiện hợp lệ. Mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông P1 không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện mà một bên đưa ra và bên kia không phản đối thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, lời khai, chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp đã chứng minh được ông P1 có ký hợp đồng vay tiền, đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Ngân hàng khởi kiện ông thực hiện nghĩa vụ

trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Số tiền ông phải trả cho Ngân hàng cho 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/5/2026 là 755.579.073 đồng (trong đó, nợ gốc 195.992.686 đồng, nợ lãi 559.586.387 đồng). Kể từ ngày 22/05/2026 ông P1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng.

[3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận toàn bộ nên ông P1 phải chịu 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí 15.603.000 đồng theo Biên lai số 0001251 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Lê Quốc P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 755.579.073 đồng, gồm:

1. Hợp đồng cho vay số CL/VN10005/202105/LN2105173747356 ngày 17/5/2021 nợ gốc 38.492.686 đồng, nợ lãi 126.028.262 đồng. Tổng cộng là 164.520.948 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2106263928839 ngày 30/6/2021 nợ gốc 157.500.000 đồng, nợ lãi 433.558.125 đồng. Tổng cộng là: 591.058.125 đồng.

Kể từ ngày 22/05/2026 ông Lê Quốc P1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Lê Quốc P1 phải chịu 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí 15.603.000 đồng theo Biên lai số 0001251 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Mẫn